

QUANG THANH
(Hệ thống & Sư tầm)

CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

**Quy trình kiểm tra, thanh tra thuế
đối với doanh nghiệp - Chính sách hỗ trợ
và phát triển doanh nghiệp hiện hành**



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

QUANG THANH

(Hệ thống và sâu tằm)

CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

**QUY TRÌNH KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

LỜI NÓI ĐẦU

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Nộp thuế theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thuế.

Với mục đích cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước, thời gian qua, nhiều chính sách trong lĩnh vực thuế liên tục được sửa đổi, hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Để giúp quý doanh nghiệp, cá nhân và các cơ quan thuế nắm bắt các văn bản hướng dẫn chính sách thuế mới nói trên, Trung tâm Giới thiệu Sách TP.HCM phối hợp với Nhà xuất bản Tài Chính xuất bản cuốn sách: **"CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI - QUY TRÌNH KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP - CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH"**.

Cuốn sách bao gồm những phần chính sau:

- Phần I. Cở sở pháp lý áp dụng thực hiện công tác quản lý thuế hiện hành*
- Phần II. Chính sách mới về thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành*
- Phần III. Chính sách mới về thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành*
- Phần IV. Chính sách mới về thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành*
- Phần V. Chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp và quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng*
- Phần VI. Quy trình kiểm tra, thanh tra thuế đối với doanh nghiệp*
- Phần VII. Quy trình công khai giải quyết khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại tại cơ quan thuế các cấp*

Nội dung cuốn sách có giá trị thực tiễn, hy vọng đây là một tài liệu hữu ích đối với các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp và tất cả bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách đến cùng bạn đọc.

TRUNG TÂM GIỚI THIỆU SÁCH TP.HCM

Phần I

CỞ SỞ PHÁP LÝ ÁP DỤNG

THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ HIỆN HÀNH

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Số: 03/VBHN-VPQH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2016

LUẬT

QUẢN LÝ THUẾ

Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Luật số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013;
2. Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;
3. Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về quản lý thuế¹.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế:

- a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;
- b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là thuế) do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế thay người nộp thuế.

2. Cơ quan quản lý thuế:

- a) Cơ quan thuế gồm Tổng cục thuế, Cục thuế, Chi cục thuế;
- b) Cơ quan hải quan gồm Tổng cục hải quan, Cục hải quan, Chi cục hải quan.

3. Công chức quản lý thuế gồm công chức thuế, công chức hải quan.
4. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế.

Điều 3. Nội dung quản lý thuế

1. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế.
2. Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.
3. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp,² tiền phạt.
4. Quản lý thông tin về người nộp thuế.
5. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế.
6. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.
7. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý thuế

1. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Nộp thuế theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thuế.

2. Việc quản lý thuế được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý thuế phải bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

4.² Áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế:

a) Việc áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế bao gồm: thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế; xây dựng các bộ tiêu chí quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; đề xuất, áp dụng các biện pháp quản lý thuế;

b) Cơ quan quản lý thuế quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ để đánh giá rủi ro về thuế, mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, lựa chọn đối tượng kiểm tra, thanh tra về thuế và hỗ trợ các hoạt động nghiệp vụ khác trong quản lý thuế.

5.¹ Áp dụng biện pháp ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nếu người nộp thuế đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- a) Không vi phạm pháp luật về thuế, về hải quan trong hai năm liên tục;
- b) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng theo quy định của pháp luật;
- c) Thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục thuế điện tử;
- d) Tuân thủ pháp luật về kế toán, thống kê;
- đ) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm theo mức quy định.

6.² Chính phủ quy định chi tiết khoản 4, khoản 5 Điều này.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đại diện của người nộp thuế* là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện một số thủ tục về thuế.

2. *Tụ sở của người nộp thuế* là địa điểm người nộp thuế tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi để hàng hóa,

nơi để tài sản dùng cho sản xuất, kinh doanh; nơi cư trú hoặc nơi phát sinh nghĩa vụ thuế đối với người nộp thuế không có hoạt động kinh doanh.

3. *Mã số thuế* là một dãy số, chữ cái hoặc ký tự khác do cơ quan quản lý thuế cấp cho người nộp thuế dùng để quản lý thuế.

4. *Kỳ tính thuế* là khoảng thời gian để xác định số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế.

5. *Tờ khai thuế* là văn bản theo mẫu do Bộ Tài chính quy định được người nộp thuế sử dụng để kê khai các thông tin nhằm xác định số thuế phải nộp. Tờ khai hải quan được sử dụng làm tờ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

6. *Hồ sơ thuế* là hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, xóa nợ tiền chậm nộp,⁵ tiền phạt.

7. *Khai quyết toán thuế* là việc xác định số thuế phải nộp của năm tính thuế hoặc thời gian từ đầu năm tính thuế đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc thời gian tính từ khi phát sinh đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

8. *Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế* là việc nộp đủ số tiền thuế phải nộp, số tiền chậm nộp,² tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế.

9. *Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế* là việc áp dụng các biện pháp quy định tại Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan buộc người nộp thuế phải nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp,³ tiền phạt vào ngân sách nhà nước.

10.⁸ *Quản lý rủi ro trong quản lý thuế* là việc áp dụng có hệ thống các quy định pháp luật, các quy trình nghiệp vụ để xác định, đánh giá và phân loại các rủi ro có thể tác động tiêu cực đến hiệu quả, hiệu lực quản lý thuế, làm cơ sở để cơ quan quản lý thuế phân bổ nguồn lực hợp lý, áp dụng các biện pháp quản lý hiệu quả.

11.¹⁰ *Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế* là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế với người nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập cho một thời hạn nhất định, trong đó xác định cụ thể các căn cứ tính thuế, phương pháp xác định giá tính thuế hoặc giá tính thuế theo giá thị trường. Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được xác lập trước khi người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế.

12.¹¹ *Xác định trước mã số, trị giá hải quan, xác nhận trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu* là việc cơ quan hải quan ban hành văn bản xác định mã số, trị giá hải quan, xác nhận xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trước khi làm thủ tục hải quan.

Điều 6. Quyền của người nộp thuế

1.¹² Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

2.¹³ Yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế yêu cầu cơ quan hải quan xác định trước mã số, trị giá hải quan, xác nhận trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trước khi làm thủ tục hải quan theo quy định của Chính phủ; yêu cầu cơ quan tổ chức giám định số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

6. Nhận văn bản kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế của cơ quan quản lý thuế; yêu cầu giải thích nội dung kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế; bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế.

7. Được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật.

8. Yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.

9. Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

10. Tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của công chức quản lý thuế và tổ chức, cá nhân khác.

Điều 7. Nghĩa vụ của người nộp thuế

1. Đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.

2. Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.

3. Nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.

4. Chấp hành chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

5. Ghi chép chính xác, trung thực, đầy đủ những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế và giao dịch phải kê khai thông tin về thuế.

6. Lập và giao hóa đơn, chứng từ cho người mua theo đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

7. Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, số hiệu và nội dung giao dịch của tài khoản mở tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

8. Chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế sai quy định.

10.¹⁴ Trường hợp người nộp thuế là tổ chức kinh doanh tại địa bàn có cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin phải thực hiện kê khai, nộp thuế, giao dịch với cơ quan quản lý thuế thông qua phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

11.¹⁵ Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện trang bị công nghệ thông tin, Chính phủ quy định cụ thể việc người nộp thuế không phải nộp các chứng từ trong hồ sơ khai, nộp thuế, hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ thuế khác mà cơ quan quản lý nhà nước đã có.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế

1. Tổ chức thực hiện thu thuế theo quy định của pháp luật.

2.¹⁶ Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế tại trụ sở, trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3.¹⁷ Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế; cơ quan thuế có trách nhiệm công khai mức thuế phải nộp

